TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN
KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 3/2024

MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI 1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 2/2024 1
1.1. Tổng quan chung 1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới 2
2. Dự báo tăng trưởng 6

PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM 8
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 2/2024 8
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 8
1.1.1. Sản xuất công nghiệp 8
1.1.2. Xuất nhập khẩu 9
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp 11
1.1.4. Hoạt động đầu tư 11
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát 12
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ 14
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng 14
1.2.2. Lãi suất 15
1.2.3. Chứng khoán 16
2. Dự báo kinh tế Việt Nam 17
2.1. Về chủ trương, chính sách 17
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 18

PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO 20
1. Thị trường dầu thô 20
2. Thị trường khí 24
3. Thị trường phân bón 27
4. Thị trường điện 30

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 31

Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 2 năm 2024 32

PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 2/2024

1.1. Tổng quan chung

PMI sản xuất tháng 2/2024 đạt mức 50,3 - tăng 0,3 điểm từ mức trung tính 50,0 tháng 01/2024. Ba trong số 5 chỉ số phụ của PMI cho thấy sự tăng trưởng (số lượng đơn đặt hàng mới, sản lượng và tồn kho). Tháng 2/2023 chứng kiến hoạt động sản xuất toàn cầu có dấu hiệu phục hồi. Sản lượng tăng tháng thứ hai liên tiếp được hỗ trợ bởi sự gia tăng lần đầu tiên về số lượng đơn đặt hàng mới kể từ 6/2022. Triển vọng nhìn chung vẫn tích cực với sự lạc quan về năm tới ở gần mức cao nhất trong 9 tháng qua.

Nền kinh tế toàn cầu đang dần lấy lại sự ổn định, lạm phát có xu hướng giảm dần và nguy cơ suy thoái kinh tế ngày càng được đẩy lùi. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán toàn cầu trong tháng qua đã có sự tăng trưởng vô cùng mạnh mẽ, thiết lập nhiều mức cao kỷ lục mới.

Tại thị trường chứng khoán châu Âu, chỉ số Stoxx Europe 600 đạt 497,25 điểm vào phiên giao dịch ngày 23/2, vượt qua mức đỉnh trước đó vào tháng 1/2022.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ STOXX EUROPE 600 TỪ NĂM 2020 ĐẾN NAY

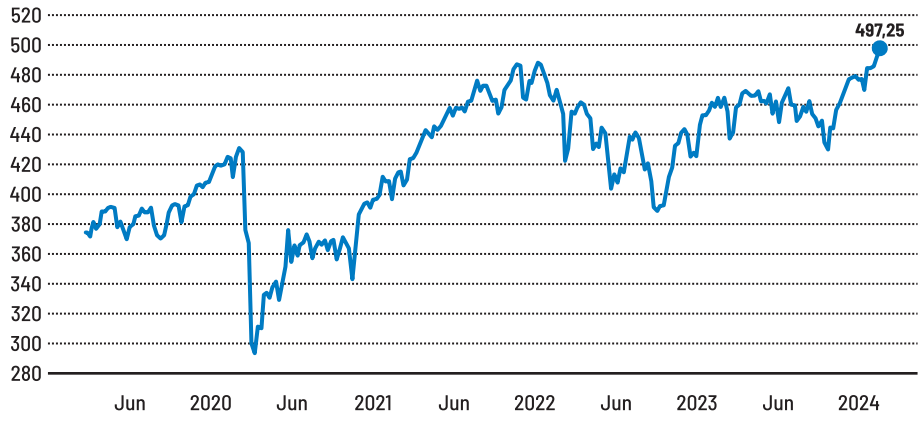

Nguồn: TradingView

Trong khi đó, đáng chú ý nhất tại thị trường chứng khoán Châu Á, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản đạt ngưỡng kỷ lục mới là 39.233,71 điểm hướng tới mốc thử nghiệm 40.000 điểm vào phiên giao dịch ngày 26/2, vượt qua kỷ lục trước đó là 38.915,87 được thiết lập vào năm 1989.

CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN NIKKEI 225 VƯỢT ĐỈNH KỶ LỤC NĂM 1989

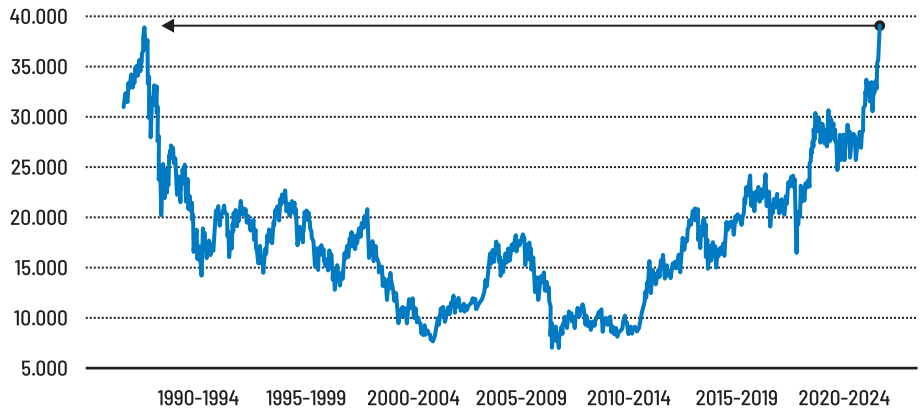

Nguồn: Bloomberg

Mặc dù có nhiều tín hiệu tích cực, song nền kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn như nợ toàn cầu tăng mạnh dù chi phí vay đắt đỏ hơn, căng thẳng địa chính trị làm gia tăng những lo ngại về an ninh kinh tế, hệ lụy ngày càng hiện hữu rõ từ các lệnh trừng phạt, hạn chế thương mại và dấu hiệu chia rẽ ngày càng lớn khiến kinh tế toàn cầu phân cực, quy tắc thương mại đa phương bị đe dọa trầm trọng.

Trong tháng 2, tuyến thương mại Biển Đỏ vẫn tiếp tục bị gián đoạn gây tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng và quá trình sản xuất trên khắp thế giới, về lâu dài việc này có thể tạo một cuộc khủng hoảng năng lượng mới, làm gia tăng nguy cơ thổi bùng lạm phát trở lại trong bối cảnh tình trạng thiếu hụt tàu chở dầu trên toàn cầu ngày càng trầm trọng và giá dầu cũng tăng lên đáng kể trong thời gian qua.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

- *Mỹ*

Kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhẹ nhờ sức mạnh của thị trường lao động, hoạt động sản xuất phục hồi và các điều kiện thị trường tài chính nới lỏng.

Chỉ số PMI sản xuất tháng 02/2024 ở mức 52,2 - tăng 1,5 điểm so với 50,7 vào tháng 01/2024 và cao hơn mức tạm tính trước đó là 51,5. Sự tăng trưởng cho thấy mức độ cải thiện điều kiện hoạt động sản xuất mạnh nhất kể từ tháng 7 năm 2022.

Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát của Conference Board công bố ngày 27/2 cho thấy, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Mỹ đã giảm trong tháng 2 xuống mức 106,7, giảm so với mức 110,90 được điều chỉnh giảm trong tháng 1. Sự lạc quan của người tiêu dùng giảm nhiều hơn dự kiến khi các nhà kinh tế dự báo mức 114,8.

Tâm lý tích cực của các nhà đầu tư Mỹ đang ở mức rất cao. Dòng vốn mạnh mẽ góp phần thúc đẩy thị trường chứng khoán Mỹ tăng lên mức cao kỷ lục trong tháng qua, các chỉ số chính của thị trường chứng khoán Mỹ như chỉ số S&P 500, Dow Jones và Nasdaq Composite tiếp tục duy trì đà tăng mạnh mẽ và liên tục lập kỷ lục mới.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN MỸ
TỪ ĐẦU NĂM 2023 ĐẾN HẾT PHIÊN 28/02/2024

Đơn vị tính: %

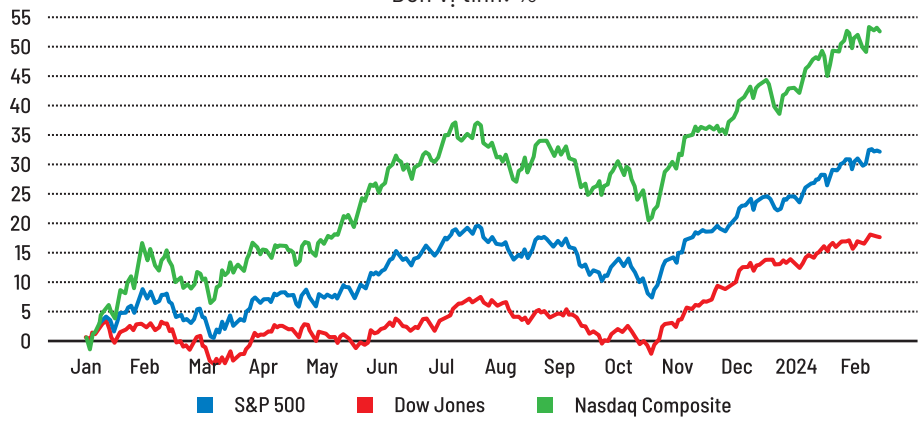

Nguồn: CNBC

Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm cũng có xu hướng tăng nhẹ trong tháng 2.

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU KHO BẠC MỸ KỲ HẠN 10 NĂM

Đơn vị tính: %

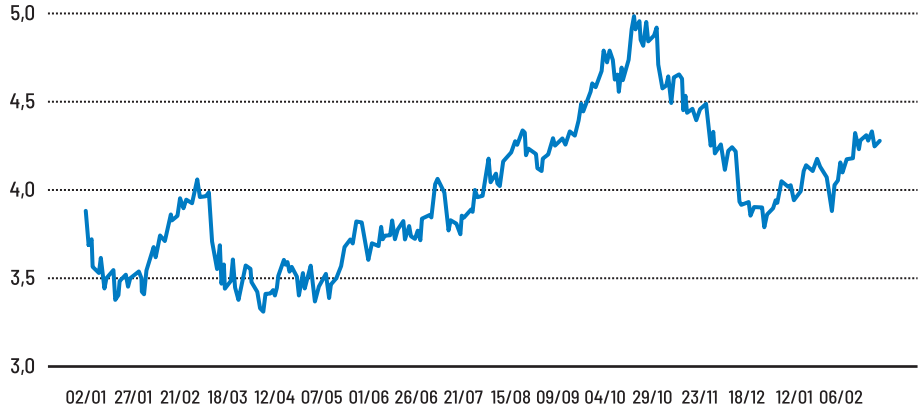

Nguồn: Investing

Bên cạnh những tín hiệu tích cực trong tháng qua thì nền kinh tế Mỹ vẫn còn đối diện với nhiều thách thức lớn như thâm hụt ngân sách tăng, nợ công đang ở mức cao, hơn nữa giá trị của các khoản vay quá hạn trên hệ thống các ngân hàng lớn gắn liền với văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ và các tài sản thương mại khác đã tăng lên 24,3 tỷ USD, hơn gấp 2 lần năm ngoái.

Mặc dù lạm phát vẫn chưa về mức mục tiêu 2% của FED nhưng nền kinh tế Mỹ vẫn nhận được nhiều dự báo lạc quan. Ngày 20/2, tổ chức nghiên cứu Conference Board công bố báo cáo khẳng định, Mỹ được dự báo sẽ không rơi vào suy thoái, mặc dù chỉ số kinh tế hàng đầu (LEI) của nước này cho thấy sản lượng kinh tế sẽ đi ngang trong những tháng tới.

Bên cạnh đó, ngày 26/2, Hiệp hội Kinh tế Thương mại Quốc gia Mỹ (NABE) đã điều chỉnh nâng dự báo Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nền kinh tế lớn nhất thế giới lên 2,2% trong năm 2024, cao hơn so với mức dự báo mà hiệp hội này đã đưa ra vào 2 tháng trước.

- *Trung Quốc*

PMI sản xuất tháng 02/2024 tăng nhẹ lên mức 50,9 từ mức 50,8 vào tháng 01/2024, báo hiệu một sự tăng trưởng được ghi nhận tốt nhất kể từ tháng 8/2023. Dù khiêm tốn nhưng tốc độ tăng trưởng sản lượng đạt mức nhanh nhất kể từ tháng 5/2023, điều này là do sự cải thiện bền vững trong các điều kiện thị trường và lượng đơn đặt hàng mới lớn hơn. Tổng số lượng công việc mới được giao cho các nhà sản xuất hàng hóa Trung Quốc cũng tăng với tốc độ nhanh hơn trong tháng 2, mặc dù nhìn chung vẫn ở mức nhẹ. Sự tăng trưởng này một phần được thúc đẩy bởi sự gia tăng trong xuất khẩu mới do sự cải thiện về cơ bản điều kiện nhu cầu toàn cầu.

Tuy nhiên về tổng thể, nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng chậm và có dấu hiệu suy yếu khi sức cầu của nền kinh tế giảm, áp lực giảm phát gia tăng, tỷ lệ thất nghiệp trong giới trẻ cao, đầu tư công tăng yếu do mức nợ công của các địa phương đang lớn và dòng vốn nước ngoài rút mạnh.

Trước tình hình trên, ngày 20/2, Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBoC) đã hạ lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 5 năm 0,25 điểm phần trăm xuống còn 3,95% từ mức 4,20% trước đó, trong khi lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm được giữ nguyên ở mức 3,45%. Mức cắt giảm này là mạnh chưa từng có, vượt kỳ vọng của thị trường.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CHO VAY
CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC TỪ NĂM 2020 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: %

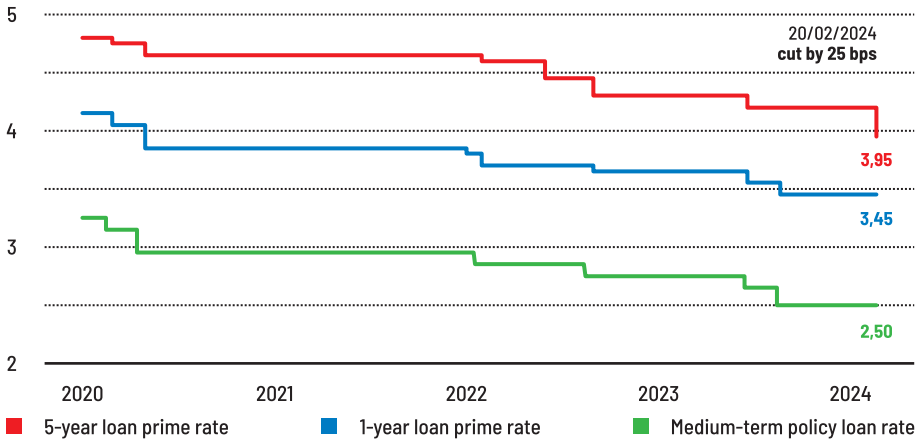

Nguồn: PBoC

Động thái trên diễn ra sau khi 1.000 tỷ Nhân dân tệ (139 tỷ USD) được giải phóng cho hoạt động cho vay vào ngày 5/2, thông qua việc hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các ngân hàng thương mại 0,5 điểm phần trăm. Động thái giảm lãi suất này được coi là nỗ lực nhằm giúp đảo ngược tình trạng suy thoái kéo dài trong lĩnh vực bất động sản ở Trung Quốc, vốn đang làm cho kinh tế suy thoái theo.

Với nhiều biện pháp hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ, nền kinh tế Trung Quốc tháng 2 cũng xuất hiện những tín hiệu tích cực như thị trường chứng khoán Trung Quốc đang dần phục hồi, doanh thu du lịch tại Trung Quốc trong dịp nghỉ Tết Nguyên đán 2024 tính đến hết ngày 17/2, tăng 47,3% so với cùng kỳ năm ngoái và vượt các mức ghi nhận năm 2019 khi đại dịch Covid-19 chưa bùng phát.

Bên cạnh đó, thị trường bất động sản Trung Quốc đã có những chuyển biến tích cực với giá nhà trung bình ở thành phố tháng 2 tăng 0,15% so với những tháng trước đó và doanh số bán đất tăng nhẹ.

Ngày 2/2, Báo cáo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo đến năm 2028, tăng trưởng của Trung Quốc sẽ giảm xuống 3,5% trong bối cảnh nước này đang đối mặt với những thách thức từ năng suất yếu và dân số già hóa, trong khi rủi ro đối với triển vọng là rất cao. Trước đó, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đạt 4,6% trong năm nay. Báo cáo của IMF cũng cảnh báo, chiều hướng sụt giảm của thị trường bất động sản Trung Quốc có thể tiếp tục làm gia tăng gánh nặng cho nhu cầu tư nhân và làm suy giảm niềm tin tiêu dùng.

- ***EU***

Kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) tiếp tục suy giảm và có nguy cơ bước vào giai đoạn suy yếu kéo dài. Trong bối cảnh giá năng lượng vẫn còn ở mức cao kết hợp với lãi suất cao của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) khiến các hoạt động kinh doanh gặp nhiều rào cản, trong khi người tiêu dùng cũng hạn chế chi tiêu.

PMI sản xuất tháng 02/2024 ở mức 46,5 giảm nhẹ so với 46,6 điểm vào tháng 01/2024. Sự sụt giảm trong chỉ số PMI Sản xuất Khu vực đồng tiền chung có nguyên nhân chủ yếu là do Đức, quốc gia ghi nhận mức suy giảm mạnh nhất trong 4 tháng. Các quốc gia có mức tăng trưởng tốt bao gồm Hy Lạp và Ireland ghi nhận mức tăng trưởng tốt nhất lần lượt trong 24 và 20 tháng. Tây Ban Nha trở lại tăng trưởng lần đầu tiên sau gần một năm, trong khi Hà Lan, Ý và Pháp giảm nhẹ hơn.

Sự suy giảm nhu cầu đối với hàng hóa Eurozone đã hạ nhiệt tháng thứ tư liên tiếp, với các đơn đặt hàng của nhà máy giảm với tốc độ chậm nhất kể từ tháng 3/2023.

Trong tháng 2, làn sóng đình công và phản đối lạm phát bùng nổ khắp châu Âu khi các nông dân từ Pháp, Đức, rồi cả Hà Lan, Ba Lan, Romania, Italy, Tây Ban Nha và Hy Lạp...nhằm phản đối sự cạnh tranh từ thực phẩm nhập khẩu giá rẻ, các quy định môi trường quá khắc nghiệt và trợ cấp chỉ có lợi cho các công ty lớn.

Ngoài ra, Châu Âu cũng đang phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động ngày càng gia tăng ở mọi ngành và cấp độ kỹ năng trong các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu như Hy Lạp, Đức, Bồ Đào Nha, Ireland, Pháp... đặc biệt là trong các lĩnh vực quan trọng như xây dựng và y tế, tình trạng này đang trở nên trầm trọng hơn do sự già đi của dân số.

Ngày 7/3/2024, ECB quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức cao kỷ lục, đồng thời nhận định lạm phát đang giảm nhanh hơn dự đoán ở thời điểm cách đây vài tháng. Cụ thể, ECB giữ nguyên lãi suất tiền gửi ở mức 4%; lãi suất tái cấp vốn chính ở mức 4,5% và lãi suất cho vay cận biên ở mức 4,75%.

ECB GIỮ NGUYÊN LÃI SUẤT

Đơn vị tính: %

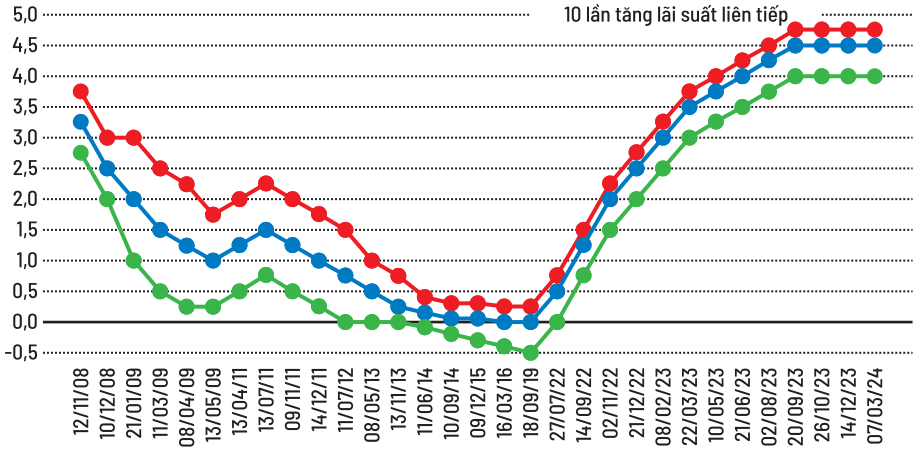

Nguồn: ECB

Ngày 7/3/2024, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 của khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) ở mức 0,6%, thấp hơn mức 0,8% mà ECB đưa ra hồi tháng 12/2023.

ECB GIẢM DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG EUROZONE NĂM 2024

Đơn vị tính: %

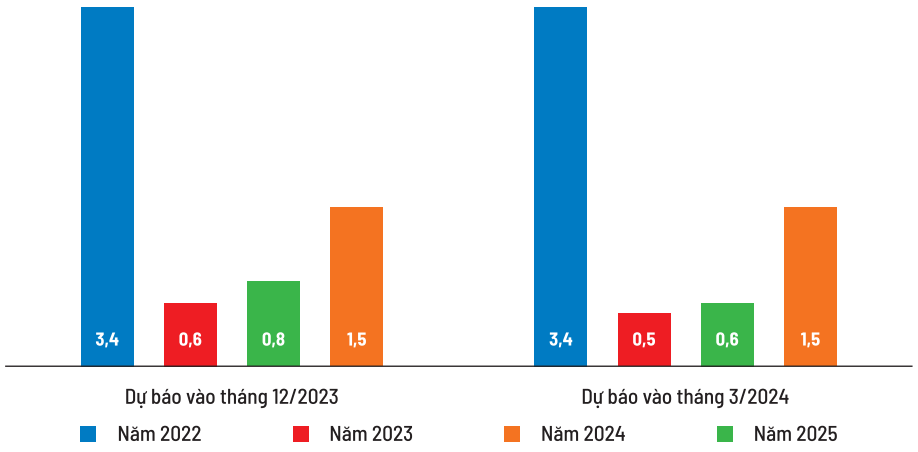

Nguồn: European Commission

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2024 vẫn pha trộn cả những mảng màu sáng - tối, cả những cơ hội và thách thức đan xen.

Ngày 05/02, Theo báo cáo triển vọng kinh tế thường niên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), ***OECD dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ giảm từ 3,1% năm 2023 xuống 2,9% năm 2024, cao hơn so với mức dự báo 2,7% được đưa ra hồi tháng 11/2023.***

Bên cạnh đó, OECD điều chỉnh nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu do triển vọng lạc quan đối với kinh tế Hoa Kỳ, bù đắp cho triển vọng kinh tế u ám của Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone). Cụ thể, kinh tế ***Mỹ được OECD dự báo tăng trưởng 2,1% trong năm nay và 1,7% vào năm 2025***, nhờ tiêu dùng mạnh mẽ và việc làm cao. Trong khi đó, ***OECD dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc được dự báo ở mức 4,7%.***

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

Đơn vị tính: %

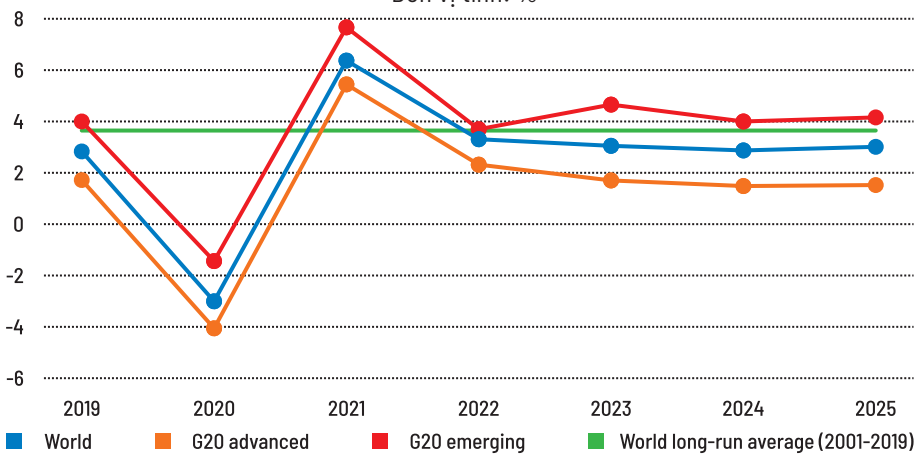

Nguồn: OECD

Ngoài ra, OECD dự báo lạm phát sẽ nằm trong mục tiêu vào cuối năm 2025 ở hầu hết các nước G20. Lạm phát chung ở các nền kinh tế G20 được dự đoán sẽ giảm từ 6,6% vào năm 2024 xuống còn 3,8% vào năm 2025. Tuy nhiên, OECD cho rằng các chính phủ nên thận trọng trong chính sách tiền tệ của mình để đảm bảo lạm phát được kiềm chế trong dài hạn.

OECD DỰ BÁO

LẠM PHÁT MỘT SỐ QUỐC GIA SẼ TIẾP TỤC GIẢM TRONG 2 NĂM 2024-2025

Đơn vị tính: %

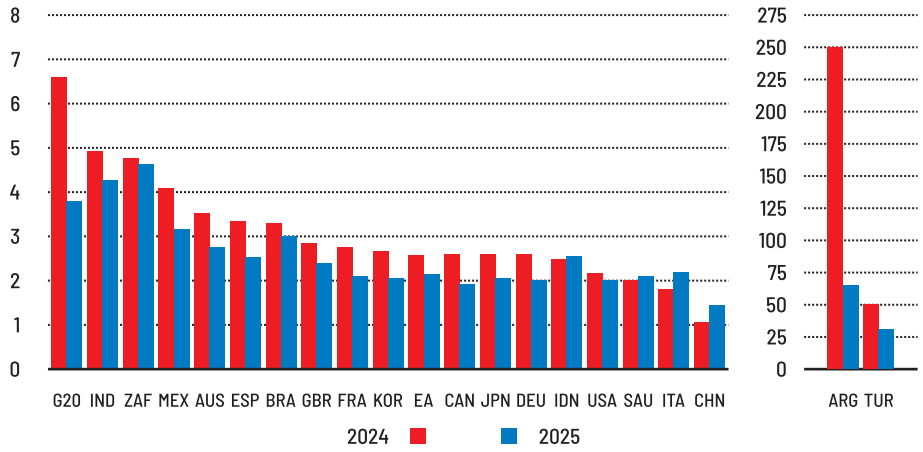

Nguồn: OECD

PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 2/2024

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

PMI Sản xuất của Việt Nam đã tăng lên 50,4 vào tháng 02/2024 từ mức 50,3 của tháng 01/2024. Đây là lần mở rộng hoạt động tháng thứ hai liên tiếp về sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới. Đà tăng trưởng duy trì đã giúp việc làm tăng trở lại, trong khi niềm tin kinh doanh tăng thành mức cao.

PMI SẢN XUẤT VIỆT NAM 2/2024

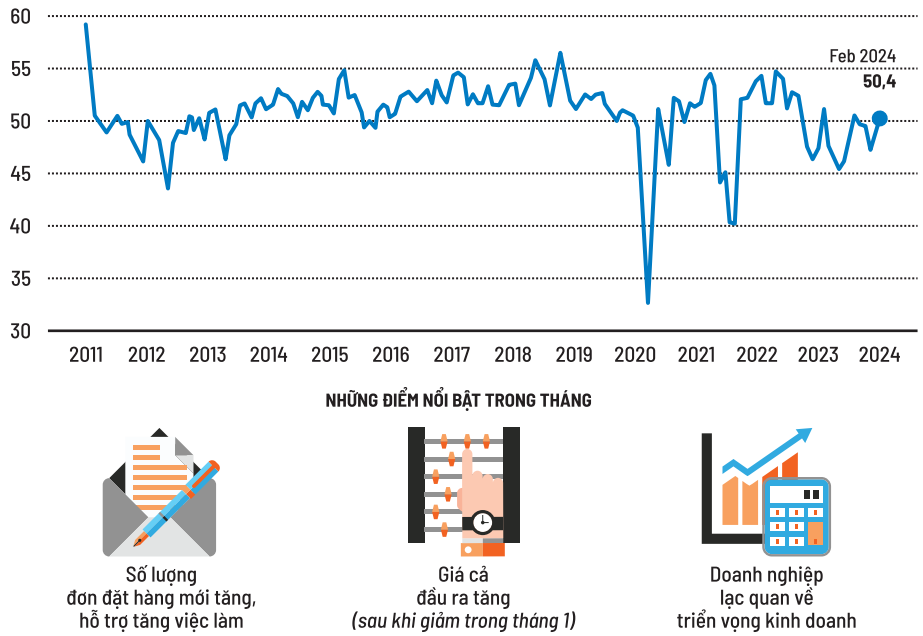

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 2/2024 ước tính giảm 18% so với tháng trước và giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,9%). Chỉ số sản xuất công nghiệp 2 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 56 địa phương và giảm ở 7 địa phương trên cả nước.

TỐC ĐỘ TĂNG IIP 2 THÁNG ĐẦU NĂM SO VỚI CÙNG KỲ

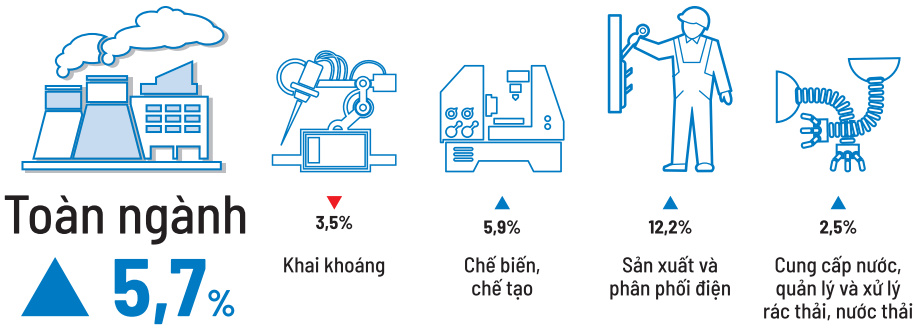

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 02/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 48,54 tỷ USD, giảm 25,8% so với tháng trước và giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 113,96 tỷ USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 19,2%; nhập khẩu tăng 18%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4,72 tỷ USD.

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA TỪ NĂM 2009 ĐẾN NAY

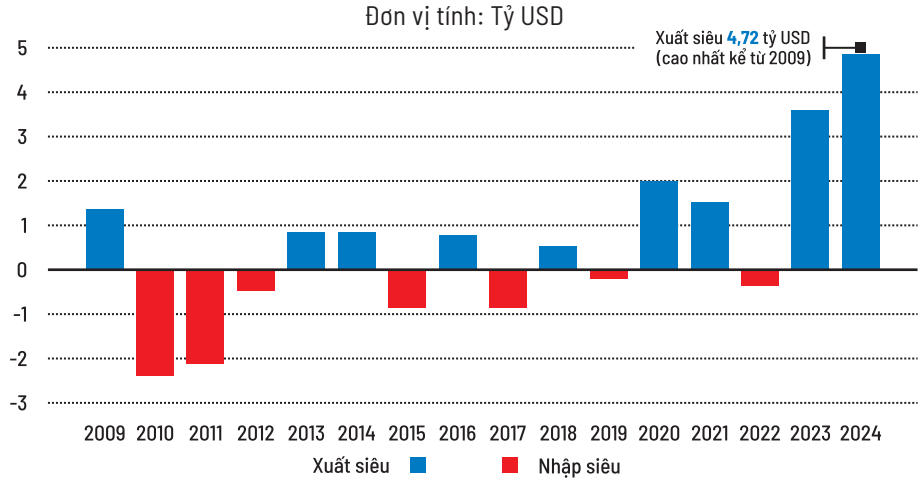

Nguồn: Tổng cục Thống kê

- ***Xuất khẩu hàng hóa***

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 02/2024 ước đạt 24,82 tỷ USD, giảm 28,1% so với tháng trước và giảm 5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 59,34 tỷ USD - tăng 19,2% so cùng kỳ, nhập khẩu 54,62 tỷ USD - tăng 18,0% so cùng kỳ, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4,72 tỷ USD, mức cao nhất kể từ năm 2009.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 52,45 tỷ USD, chiếm 88,4%.

- *Nhập khẩu hàng hóa*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 02/2024 ước đạt 23,72 tỷ USD, giảm 23,2% so với tháng trước và tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 54,62 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 19,67 tỷ USD, tăng 27,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 34,95 tỷ USD, tăng 13,3%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 51,47 tỷ USD, chiếm 94,2%.

Cán cân thương mại hàng hóa 2 tháng đầu năm 2024 ước tính xuất siêu 4,72 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 3,5 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 3,53 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 8,25 tỷ USD.

KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU HAI THÁNG ĐẦU NĂM 2024

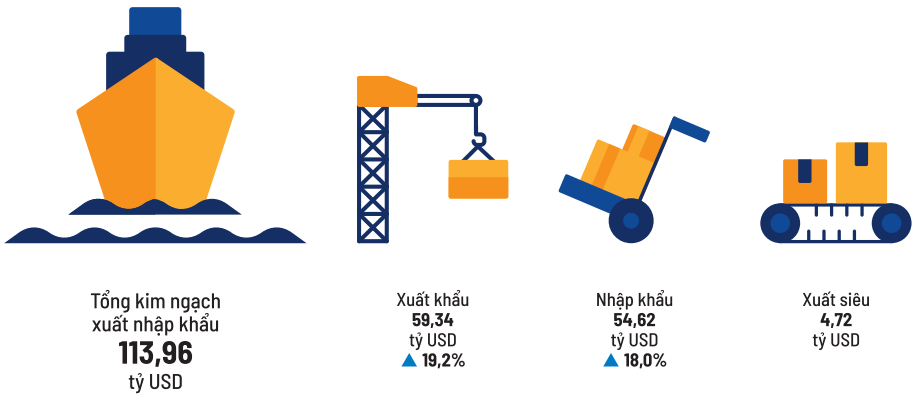

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tháng 2 năm nay, cả nước có gần 8,6 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 36,5% so với tháng trước và giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước; có hơn 5,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 61,3% và tăng 36%. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, cả nước có 41,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước.

SỐ DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI VÀ QUAY TRỞ LẠI HOẠT ĐỘNG
2 THÁNG ĐẦU NĂM GIAI ĐOẠN 2022 - 2024

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

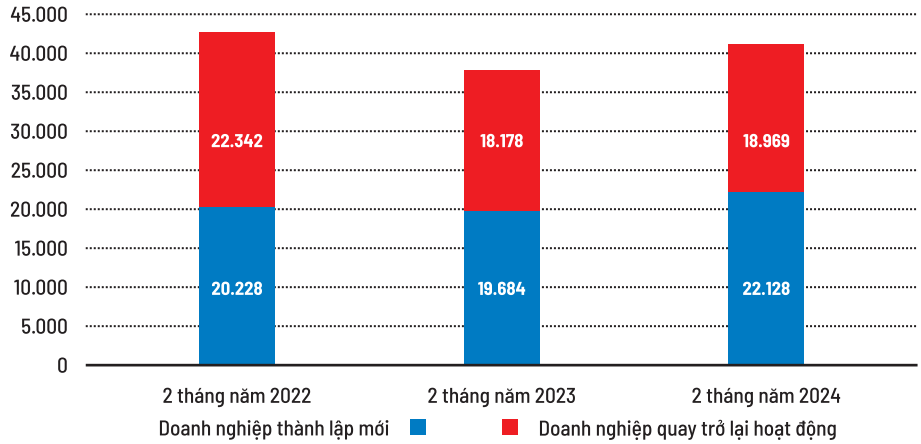

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 2 ước đạt 26,9 nghìn tỷ đồng, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 59,8 nghìn tỷ đồng, bằng 8,4% kế hoạch năm và tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 bằng 8% và tăng 21,8%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/02/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 4,29 tỷ USD, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 2 tháng năm 2024 ước đạt 2,8 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 2 tháng năm 2024 có 17 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 24,8 triệu USD, giảm 77,3% so với cùng kỳ năm trước; có 02 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 220 nghìn USD, giảm 96,1%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 25 triệu USD, giảm 78,3% so với cùng kỳ năm trước.

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2/2024 tăng 1,04% so với tháng trước; tăng 1,35% so với tháng 12/2023 và tăng 3,98% so với cùng kỳ năm 2023. Bình quân 2 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,67% so với cùng kỳ năm trước.

DIỄN BIẾN CPI QUA CÁC THÁNG

Đơn vị tính: %

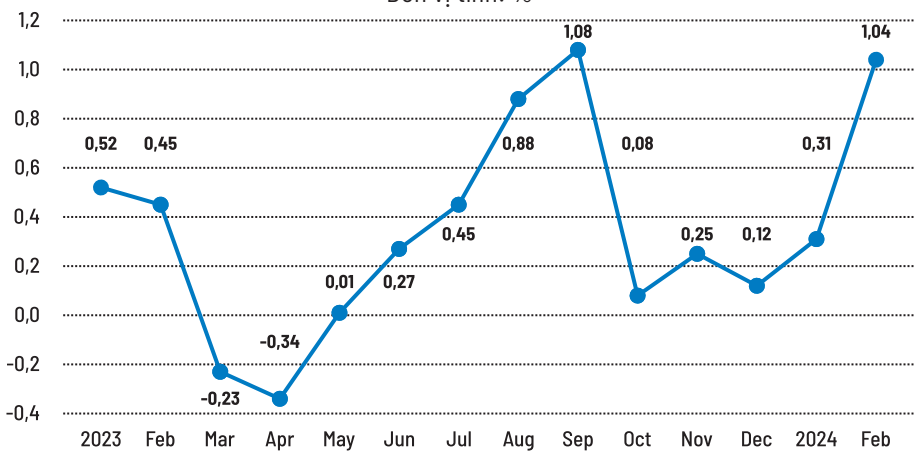

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát cơ bản tháng 2/2024 tăng 0,49% so với tháng trước và tăng 2,96% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 2 tháng đầu năm, lạm phát cơ bản tăng 2,84% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,67%) chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu, giá dịch vụ y tế và giá dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 2/2024

Đơn vị tính: % so với cùng kỳ năm trước

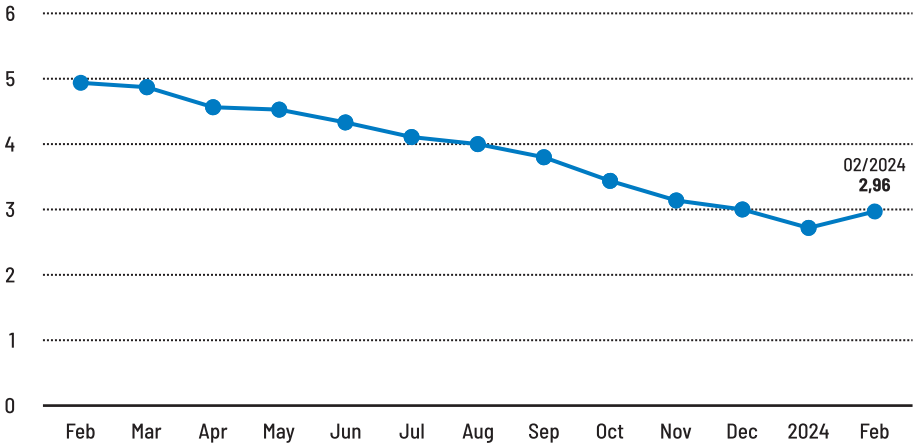

Nguồn: Tổng cục Thống kê

- *Chỉ số giá vàng*

Tính đến ngày 25/02/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.037,18 USD/ounce, tăng 1,11% so với tháng 01/2024 do kỳ vọng FED sẽ nới lỏng chính sách tiền tệ sau chiến dịch tăng lãi suất nhằm kiềm chế lạm phát. Ngoài ra, nhu cầu mua vàng tăng do căng thẳng địa chính trị kéo dài và kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại thúc đẩy các nhà đầu tư tìm đến vàng như một kênh trú ẩn an toàn.

GIÁ VÀNG THẾ GIỚI TIẾP TỤC TĂNG

Đơn vị tính: USD/ounce

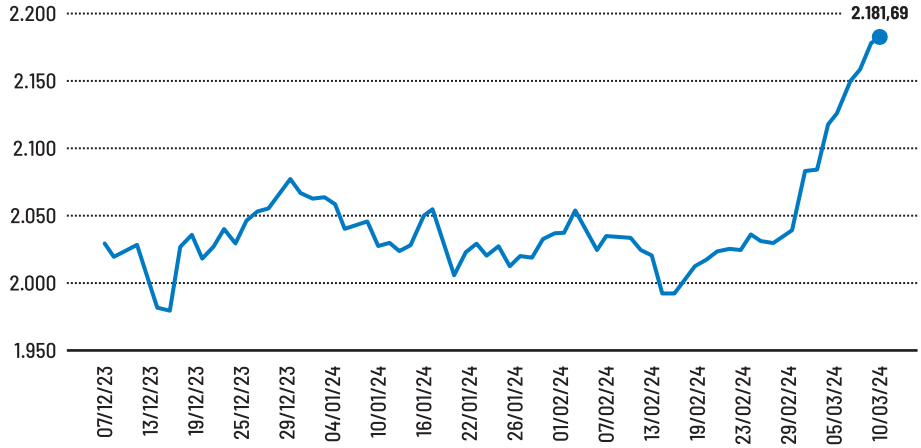

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Chỉ số giá vàng tháng 02/2024 tăng 2,01% so với tháng trước; tăng 4,61% so với tháng 12/2023; tăng 16,67% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 2 tháng đầu năm 2024, chỉ số giá vàng tăng 16,05%.

- *Chỉ số giá đô la Mỹ*

Trên thế giới, giá đồng đô la Mỹ tăng sau khi số liệu lạm phát của Mỹ tháng 01/2024 được công bố cao hơn dự kiến, các nhà đầu tư dự báo FED sẽ giữ nguyên lãi suất trong tháng 3/2024. Tính đến ngày 25/02/2024, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 103,86 điểm, tăng 0,66% so với tháng trước.

Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.115 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 02/2024 tăng 0,4% so với tháng trước; tăng 0,92% so với tháng 12/2023; tăng 3,89% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 2 tháng đầu năm 2024 tăng 3,79%.

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Theo ước tính của Ngân hàng Nhà nước tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 16/2 giảm 1% so với cuối năm trước. Như vậy tín dụng của toàn nền kinh tế tăng trưởng âm trong 2 tháng đầu năm.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG
2 THÁNG ĐẦU NĂM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2013 ĐẾN NĂM 2024

Đơn vị tính: %

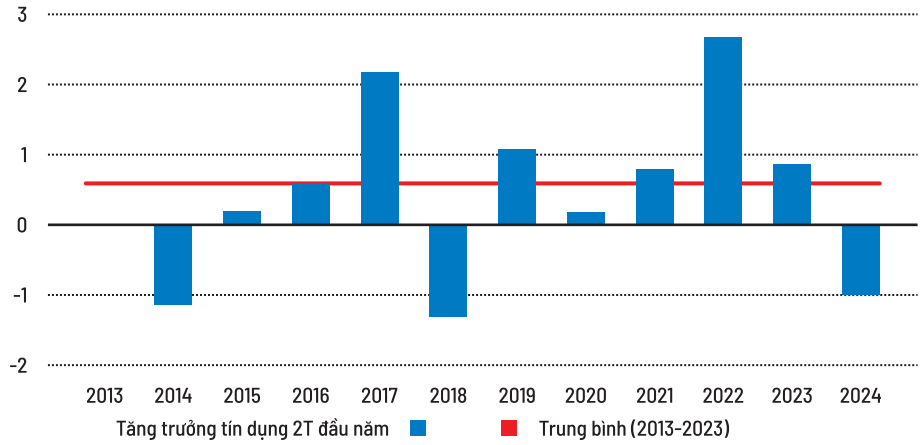

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Tăng trưởng tín dụng thấp trong những tháng đầu năm là hiện tượng bình thường theo quy luật hàng năm, bình quân tăng trưởng tín dụng trong 2 tháng đầu năm của giai đoạn 2013 - 2023 chỉ là 0,56%. Tuy nhiên mức tăng trưởng âm trong 2 tháng đầu năm 2024 có vẻ nghiêm trọng hơn vì điều kiện năm nay khác với thời kỳ trước khi NHNN đã giao toàn bộ hạn mức tín dụng ngay từ đầu năm.

Theo các chuyên gia cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến tăng trưởng tín dụng âm trong tháng 2 là do nhiều doanh nghiệp thiếu tài sản thế chấp dẫn đến khó khăn với việc tiếp cận tín dụng ngân hàng, gây ra suy giảm tăng trưởng tín dụng.

1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 2, lãi suất huy động tiếp tục xu hướng giảm và việc tăng lãi suất chỉ diễn ra cục bộ tại một số ngân hàng, một số kỳ hạn. Mức tăng cũng tương đối nhỏ, dưới 0,2 điểm %. Lãi suất huy động trung bình cho kỳ hạn 6 tháng đang ở mức 4,11%, còn lãi suất huy động trung bình cho kỳ hạn 12 tháng đang ở mức 4,84%.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG KỲ HẠN 6 THÁNG TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG THÁNG 2/2024

Đơn vị tính: %/năm

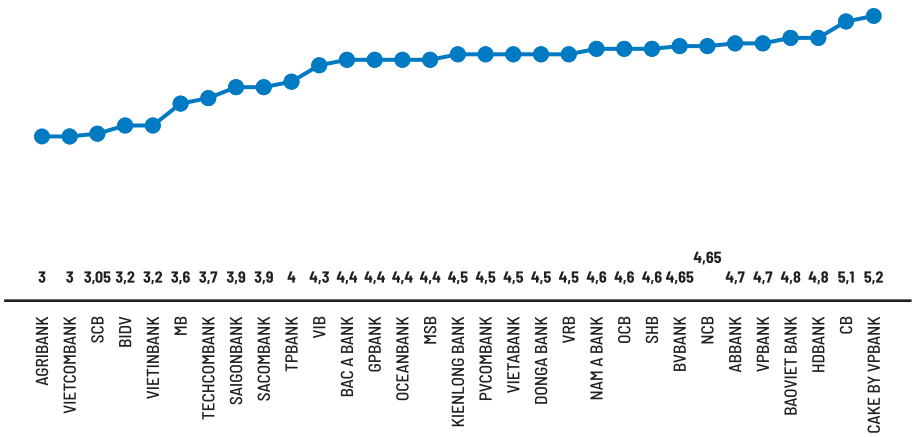

Nguồn: Báo Lao Động

Tính đến hết ngày 28/2, đã có 22 ngân hàng giảm lãi suất huy động gồm: LPBank, Sacombank, NCB, Viet A Bank, SeABank, Techcombank, ACB, VIB, Eximbank, BVBank, KienLong Bank, ABBank, Bac A Bank, PGBank, Sacombank, Dong A Bank, GPBank, MB, CBBank, VietBank, VPBank, SHB. Trong đó, Sacombank, NCB, Viet A Bank, Techcombank, Eximbank, Bac A Bank, SeABank, KienLong Bank đã giảm lãi suất lần thứ 2 kể từ đầu tháng. Đáng chú ý, VIB và Eximbank là các ngân hàng đã có 3 lần giảm lãi suất huy động kể từ đầu tháng 2.

Ngoài các ngân hàng giảm lãi suất đã có 3 ngân hàng là Techcombank, Sacombank và BVBank tăng lãi suất so với giai đoạn đầu tháng 2. Cụ thể, Techcombank đã tăng lãi suất kỳ hạn 1 tháng và 3 tháng lên 2,35%/năm và 2,75%/năm, trong khi giảm lãi suất tại các kỳ hạn dài hơn từ 0,05 điểm % tới 0,15 điểm %.

1.2.3. Chứng khoán

Tính chung trong tháng 2, VN-Index tăng 7,59% qua đó ghi nhận tháng thứ 4 liên tiếp tăng điểm. Con số 7,59% cũng là mức tăng cao nhất trong một tháng chỉ số này đạt được kể từ tháng 7/2023.

Thị trường chứng khoán trong tháng 2 tiếp tục diễn biến tích cực với dòng tiền đối ứng khá dồi dào, thị trường đã có chuỗi 7 phiên liên tiếp đi lên, ghi tổng cộng gần 60 điểm. Nhóm cổ phiếu ngân hàng, bất động sản và dầu khí tăng trưởng nổi bật và dẫn dắt thị trường trong tháng qua.

Đặc biệt, với diễn biến tích cực của thị trường vận tải biển thế giới, cũng như sự khởi sắc của thị trường chứng khoán từ đầu tháng 11/2023 tới nay, giá cổ phiếu nhóm doanh nghiệp vận tải trong nước như cổ phiếu HAH của Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (Hải An), cổ phiếu VOS của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco), cổ phiếu PVT của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans)... đã có mức tăng mạnh hơn thị trường chung.

Dự báo năm 2024, việc nâng hạng thị trường chứng khoán, cùng với các yếu tố vĩ mô như mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, nỗ lực thúc đẩy đầu tư công, đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng, cũng như hoạt động E&P dầu khí trong nước sẽ bước vào chu kỳ tăng trưởng mới sẽ tác động nhóm cổ phiếu ngành dầu khí khu vực hạ nguồn, trung nguồn và thượng nguồn tăng trưởng mạnh mẽ. Điều này sẽ có lợi cho các công ty PV Drillings (Mã: PVD), PTSC (Mã: PVS) hay PV Gas (Mã: GAS), PVTrans (Mã: PVT)...

CÁC CỔ PHIẾU DẦU KHÍ TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ

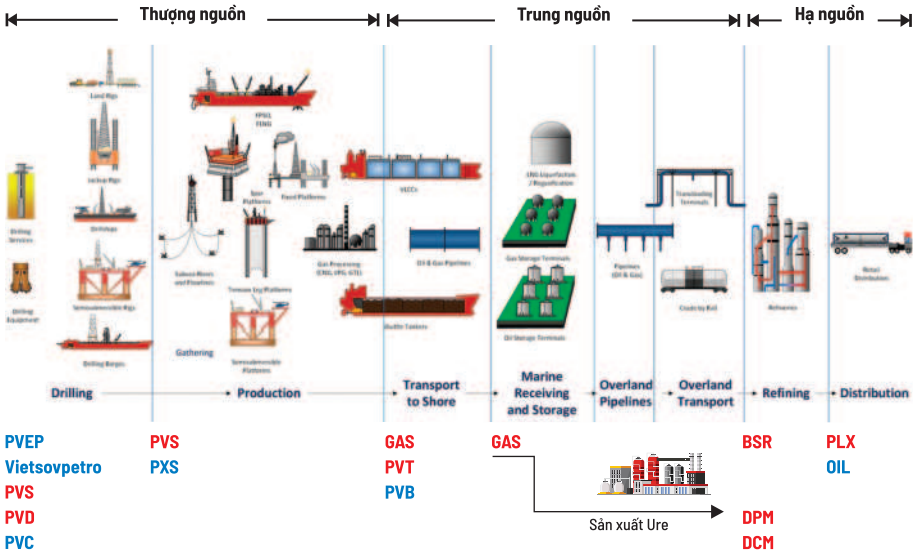

Nguồn: Vietcap

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

- *Đề xuất điều hành giá xăng dầu cả ngày nghỉ lễ, tết*

Theo Sở Công thương TP. Hồ Chí Minh, hiện nay hoạt động kinh doanh xăng dầu được điều chỉnh theo 3 nghị định và các văn bản khác có liên quan nhưng vẫn chưa đầy đủ, còn tồn tại một số hạn chế trong cơ chế, chính sách về kinh doanh xăng dầu.

Chẳng hạn, đối với thời gian điều hành giá xăng dầu, Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 80/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm 3 khoản 27 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP về thời gian điều hành giá xăng dầu quy định: "Thời gian điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày thứ 5 hàng tuần. Trường hợp thời gian điều hành giá trùng vào dịp nghỉ Tết Nguyên Đán thì được thực hiện như sau: Nếu ngày thứ 5 trùng vào ngày cuối cùng của năm Âm lịch (29 hoặc 30 Tết Nguyên Đán), việc điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày thứ Tư liền kề trước đó. Nếu thứ 5 là ngày mùng 1, mùng 2 hoặc mùng 3 Tết, thời gian điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày mùng 4 Tết..."

Sở Công thương TP. Hồ Chí Minh cho rằng, để bảo đảm giá xăng dầu bám sát diễn biến thị trường thế giới, tránh ảnh hưởng quyền lợi người tiêu dùng cũng như doanh nghiệp, việc điều hành giá xăng dầu cần thực hiện xuyên suốt, cả những ngày nghỉ lễ, Tết Nguyên đán. Sở kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, đề xuất tại dự thảo Nghị định mới vẫn thực hiện điều hành giá xăng dầu trong thời gian nghỉ Tết Nguyên đán (nếu thời gian điều hành giá trùng vào dịp nghỉ Tết Nguyên đán).

Với Quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc ban hành quy định về giờ bán hàng tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu, Sở Công thương kiến nghị Bộ Công thương quy định cụ thể việc ban hành giờ bán hàng, các trường hợp dừng bán hàng, quy định thông báo trước khi dừng bán hàng phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan về thủ tục hành chính và công tác cải cách thủ tục hành chính.

- *Kiến nghị tăng cường quản lý phụ phí của các hãng tàu biển*

Trước tình hình hiện nay chưa có quy định về chế tài đối với việc tăng giá của hãng tàu nước ngoài, nên vô hình trung đã làm lợi cho các hãng tàu nước ngoài tăng phí; đồng thời, khiến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong nước phải chịu thiệt hại, Hiệp hội Chủ hàng Việt Nam đã có văn bản kiến nghị Chính phủ, các bộ, ngành hữu quan về việc tăng cường quản lý phụ phí của các hãng tàu nước ngoài. Hiệp hội Chủ hàng Việt Nam đề xuất 3 giải pháp tăng cường quản lý phụ phí của hãng tàu nước ngoài như sau:

Thứ nhất, bổ sung phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển vào danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá để hoàn thiện cơ chế quản lý mức giá và các loại phụ thu đối với hàng hóa tại cảng biển, tránh trường

hợp các hãng tàu tùy ý tăng giá và lạm thu ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ hàng xuất nhập khẩu. Hãng tàu cần có báo cáo về cơ cấu phí THC, trong trường hợp các phụ thu này siêu lợi nhuận thì đề xuất cơ quan chức năng xem xét áp dụng các chính sách thu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thứ hai, sớm rà soát và ban hành cơ chế quản lý việc thu các loại phụ phí, so sánh với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế, yêu cầu chủ tàu ngừng ngay việc thu các loại phí không hợp lý; đồng thời kiến nghị Thủ tướng sớm ban hành các cơ chế phù hợp quản lý việc thu phí của các hãng tàu nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Thứ ba, tham khảo kinh nghiệm quản lý các hãng tàu nước ngoài từ các quốc gia lân cận để xây dựng, hoàn thiện các giải pháp tăng cường kiểm soát hoạt động của các hãng tàu nước ngoài, tránh thất thu ngân sách nhà nước, bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp trong nước.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tổ chức SSI Research dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng 6 -6,5 % trong năm 2024 với sự phục hồi của thương mại, đầu tư công và trên hết là các chính sách hỗ trợ tăng trưởng là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ.

Theo SSI Research, lạm phát toàn phần dự kiến sẽ tăng vừa phải lên 3,8% trong năm 2024 và đã tính đến việc Chính phủ điều chỉnh tăng giá một số loại hàng hóa và dịch vụ. Rủi ro lạm phát có thể là các yếu tố đẩy chi phí, bao gồm khả năng giá dầu thô và các hàng hóa khác tăng cũng như tăng lương tối thiểu. Tuy nhiên, có thể nói rủi ro về lạm phát là không cao, trong bối cảnh quốc gia láng giềng là Trung Quốc đang phải đương đầu với giảm phát, nhưng vẫn cần lưu ý đến áp lực tỷ giá.

DỰ BÁO CÁC CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ CHÍNH NĂM 2024

Đơn vị tính: %

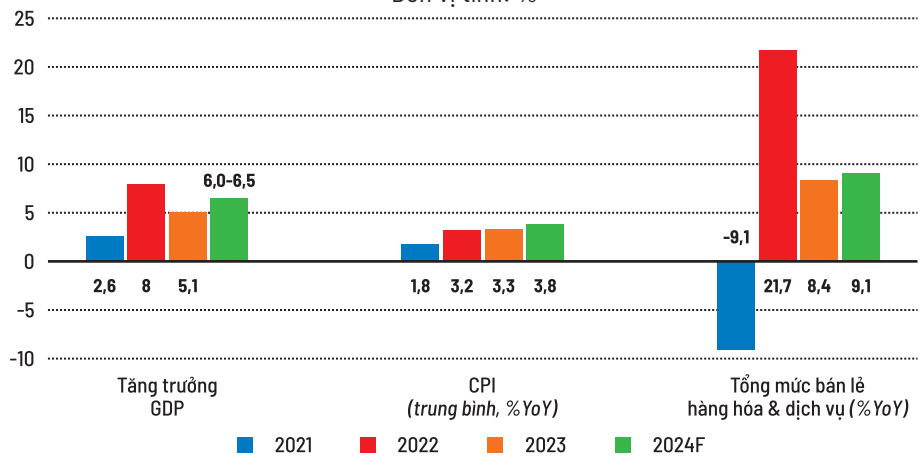

Nguồn: SSI Research

Mục tiêu CPI bình quân đề ra cho năm 2024 đặt trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục nỗ lực thúc đẩy phục hồi kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng GDP cao theo kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025 đề ra từ 6,5-7%; đồng thời, duy trì mức độ tăng trưởng GDP cao trong khu vực ASEAN, khu vực châu Á và trên thế giới nhằm duy trì sức hút các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, việc triển khai mục tiêu tăng trưởng GDP từ 6-6,5% và kiểm soát mức tăng CPI bình quân từ 4-4,5% trong năm 2024 là vấn đề cấp bách trong năm 2024. Mục tiêu này hoàn toàn có cơ sở thực hiện bởi các lý do sau:

- *Tình hình lạm phát thấp ở Trung Quốc tiếp tục diễn ra, dự báo 0,5% năm 2024, quốc gia này cung cấp chủ yếu đầu vào sản xuất của Việt Nam nên rủi ro nhập khẩu theo lạm phát là thấp. Tình hình lạm phát tại các nền kinh tế lớn trên thế giới, đối tác thương mại và thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam được kiểm soát. Theo đó, Mỹ lạm phát 3,1% năm 2023 đang hướng tới mục tiêu 2%; EU lạm phát mức 2,9% năm 2023 và đang hướng tới mục tiêu 2%, nên rủi ro gây ra lạm phát từ xuất khẩu là thấp.*

- *Sự biến động giá một số nguyên liệu, năng lượng chính như xăng, dầu trong năm 2023 khá ổn định và có xu hướng được duy trì trong hai quý đầu năm 2024, trừ trường hợp có biến động mạnh về địa chính trị làm tăng giá đột biến. Bên cạnh đó, vẫn có một số rủi ro tiềm tàng từ bên ngoài như: sự bất ổn an ninh trên Biển Đỏ dẫn tới giá cước vận tải quốc tế tăng cao; cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine lan rộng; chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn có thể được nới lỏng...*

PHẦN III

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

- *Cung dầu mỏ:*

Tình trạng gián đoạn hoạt động vận chuyển qua khu vực Biển Đỏ, thiếu tàu chở dầu tại nhiều khu vực cùng với việc liên minh OPEC+ tiếp tục duy trì chính sách cắt giảm sản lượng khai thác đã gây ra thiếu hụt nguồn cung tại Châu Âu và Châu Phi.

Trong khi đó, nguồn cung từ Mỹ và Nga cũng suy giảm đáng kể trong tháng qua. Tại Mỹ, mức tăng trưởng sản lượng đã chậm lại do các nhà sản xuất thu hẹp năng suất khai thác và đóng cửa các giếng dầu. Tại Nga, hoạt động chế biến dầu thô hàng ngày cũng sụt giảm do các nhà máy lọc dầu và cơ sở hạ tầng năng lượng khác của Nga đã trở thành mục tiêu tấn công của quân đội Ukraine. Điều này dẫn đến xuất khẩu dầu thô bằng đường biển của Nga đã giảm trở lại sau khi ghi nhận mức cao nhất trong 7 tháng.

- *Cầu dầu mỏ:*

Tại Trung Quốc, nhu cầu nhập khẩu dầu thô tăng mạnh, các nhà máy lọc dầu ở Trung Quốc đã nhập một khối lượng lớn dầu thô từ Nga, con số này cao gấp ba lần so với tốc độ trong tháng 1 và cao hơn nhiều so với mức trung bình 53.000 thùng vào năm 2023.

NHẬP KHẨU DẦU THÔ SOKOL TỪ ẤN ĐỘ CỦA TRUNG QUỐC TĂNG MẠNH

Đơn vị tính: Nghìn thùng/ngày

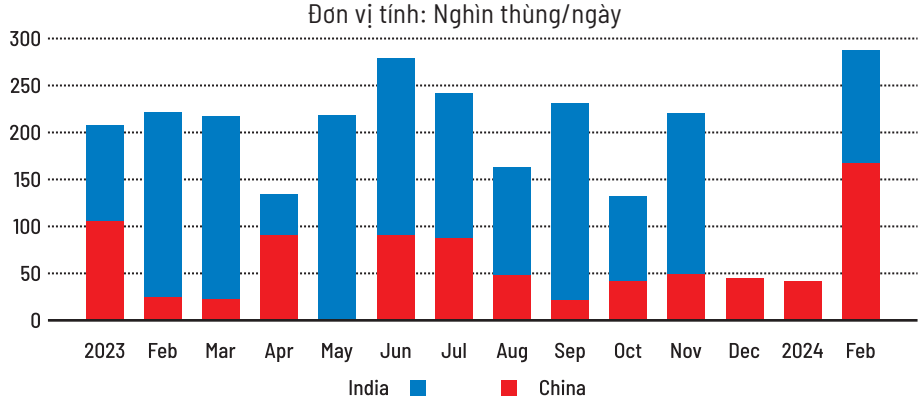

Nguồn: Kpler

Ngoài ra, nhu cầu dầu thô cao do lợi nhuận từ lọc dầu tăng mạnh, bất chấp việc bảo trì các nhà máy lọc dầu.

Tại Nga, nhu cầu xăng dầu cũng gia tăng cao trong tháng qua, ngày 27/2, chính quyền Nga đã công bố lệnh cấm xuất khẩu xăng dầu trong 6 tháng kể từ ngày 1/3 để bù đắp cho nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng và nông dân trong nước, đồng thời tiến hành bảo trì các nhà máy lọc dầu theo kế hoạch.

- ***Diễn biến giá:***

Trong tháng qua, yếu tố địa chính trị và các dự đoán Mỹ sẽ cắt giảm lãi suất muộn hơn dự kiến đã tác động lớn đến giá dầu. Giá dầu đã có 2 tuần tăng giá liên tiếp và bật tăng lên cao nhất vào phiên giao dịch ngày 18/2 trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông ngày càng lên cao.

Ngoài ra, lo ngại nguồn cung toàn cầu thắt chặt cũng góp phần thúc đẩy lực mua trên thị trường.

DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ BRENT VÀ GIÁ DẦU THÔ WTI TRONG THÁNG 2/2024

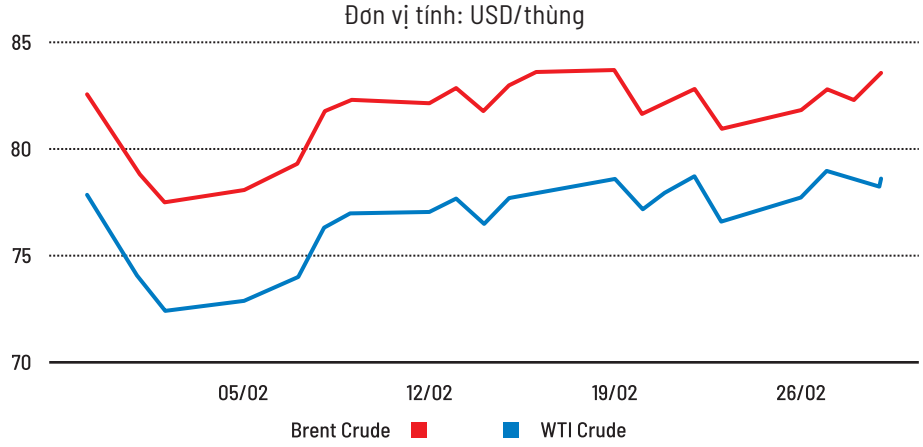

Nguồn: Oil Price

1.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 2, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đang vận hành ở mức 112% công suất thiết kế. Ngoài ra, theo kế hoạch Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn sản xuất khoảng 618.000 tấn sản phẩm các loại, đáp ứng nhu cầu của thị trường tăng cao trong dịp Tết.

Bên cạnh đó, chiết khấu bán lẻ xăng dầu tăng liên tục, chiết khấu xăng ở nhiều kho đã có lúc tăng lên khoảng 1.500 đồng/lít.

Dư địa Quỹ bình ổn giá xăng dầu của một số doanh nghiệp đầu mối trong tháng qua vẫn ghi nhận mức dương lớn do nhiều kỳ điều hành gần đây cơ quan điều hành ít sử dụng tới quỹ. Tính đến ngày 22/2, Petrolimex ghi nhận mức dương quỹ 3.063 tỷ đồng; PV Oil âm quỹ hơn 144 tỷ đồng; Saigon Petro dương 327 tỷ đồng; Petimex dương 459 tỷ đồng...

DIỄN BIẾN GIÁ XĂNG DẦU TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: đồng/lít

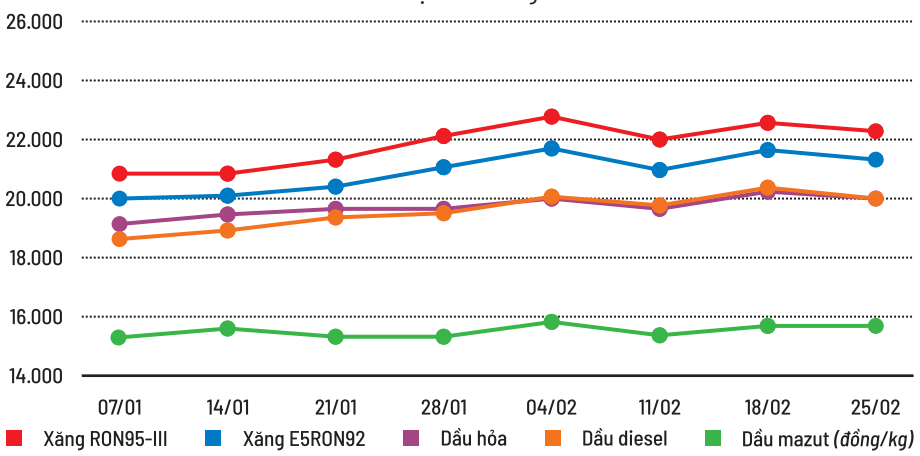

Nguồn: Bộ Công Thương

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

- *Cung dầu mỏ:*

Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh, còn gọi là OPEC+ đã thống nhất giữ nguyên chính sách cắt giảm sản lượng tự nguyện tổng cộng 2,2 triệu thùng mỗi ngày trong quý 1 năm 2024.

Ngày 12/2, trong Báo cáo Năng suất Khoan hằng tháng, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết sản lượng dầu của Mỹ từ các khu vực khai thác đá phiến hàng đầu sẽ tăng trong tháng 3 lên mức cao nhất trong 4 tháng. Trong đó, sản lượng dầu tại lưu vực Permian, mỏ đá phiến lớn nhất của Mỹ trải dài khắp Tây Texas và New Mexico, tăng khoảng 14.000 thùng/ngày lên 6,1 triệu thùng/ngày, sản lượng hằng tháng cao kỷ lục thứ hai sau tháng 11/2023.

Sau đó vào ***ngày 15/2, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA)*** đã nâng dự báo nguồn cung cho năm 2024 lên 1,7 triệu thùng/ngày, so với dự báo trước đó là 1,5 triệu thùng/ngày, do nguồn cung ngoài OPEC+.

- *Cầu dầu mỏ:*

Ngày 13/2, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) dự đoán nhu cầu dầu toàn cầu sẽ tăng 2,25 triệu thùng/ngày trong năm 2024 và 1,85 triệu thùng/ngày trong năm 2025, không đổi so với dự báo được đưa ra trong báo cáo tháng trước.

Trái ngược với dự báo của OPEC, ***ngày 15/2, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo tăng trưởng nhu cầu sử dụng dầu thô trên toàn cầu trong năm nay chỉ đạt 1,22 triệu thùng/ngày***. Con số này thấp hơn nhiều so với mức dự báo của OPEC

DỰ BÁO NHU CẦU TIÊU THỤ DẦU NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày

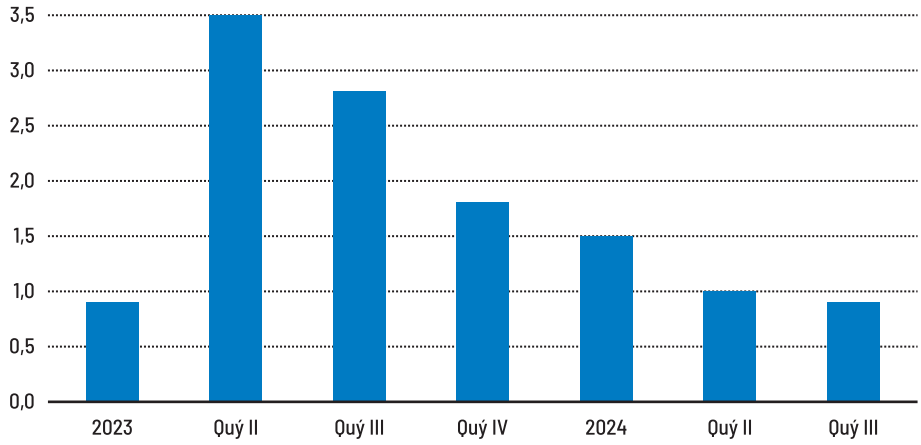

Nguồn: EIA

Đồng thời IEA và OPEC cũng có quan điểm trái ngược nhau về triển vọng nhu cầu sử dụng dầu thô trong trung và dài hạn. Trong khi IEA cho rằng nhu cầu sử dụng dầu thô sẽ đạt đỉnh vào năm 2030, OPEC tin tưởng rằng thế giới sẽ còn tiếp tục tăng sử dụng dầu thô trong vòng 20 năm tới.

- *Diễn biến giá:*

Ngày 13/2, trong báo cáo hàng quý về triển vọng thị trường dầu, Ngân hàng Morgan Stanley đã nâng dự báo giá dầu thô Brent lên mức trung bình 82,50 USD/thùng trong quý I và II/2024 so với mức 80 USD và 77,50 USD trước đó.

EIA dự báo lượng hàng tồn kho giảm trong Q1/2024 sẽ làm tăng giá dầu lên khoảng giữa 80 USD/thùng, trước khi áp lực giảm giá nhẹ xuất hiện trong phần còn lại của dự báo của EIA. ***EIA dự báo giá dầu thô Brent sẽ đạt trung bình 81 USD/thùng vào tháng 12/2024 và sẽ giảm xuống 78 USD/thùng vào tháng 12/2025***.

Trong khi đó, theo các nhà phân tích tại Deutsche Bank, thị trường gần như cân bằng trong nửa đầu năm và nhu cầu tăng theo mùa trong nửa cuối năm sẽ đẩy giá dầu thô Brent lên 88 USD/thùng vào cuối năm 2024.

1.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo nhu cầu xăng dầu trong nước sẽ tiếp tục tăng trong năm 2024 do hoạt động sản xuất, vận tải ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, các chuyên gia cũng dự báo năm 2024 sẽ chứng kiến sự sôi động trở lại của hoạt động thượng nguồn tại Việt Nam với một loạt các dự án trong điểm tại các mỏ lớn như Bạch Hổ, Đại Hùng, Lạc Đà Vàng...

MỘT SỐ DỰ ÁN DẦU KHÍ TRONG NƯỚC
ĐÃ, ĐANG VÀ DỰ KIẾN SẼ ĐƯỢC TRIỂN KHAI TRONG THỜI GIAN TỚI

Dự án	Bể dầu khí	Nhà điều hành	Capex (tr. USD)
Mở rộng mỏ Bạch Hổ	Cửu Long	Vietsovpetro	90
Đại Hùng Pha 3	Nam Côn Sơn	PVEP POC	112
Kình Ngư Trắng	Cửu Long	Vietsovpetro	650
Lạc Đà Vàng	Cửu Long	Murphy	693
Sư Tử Trắng Pha 2B	Cửu Long	Cửu Long JOC	1.100
Nam Du - U Minh	PM3 - Cà Mau	Jadestone	n/a
Lô B - Ô Môn	PM3 - Cà Mau	Phú Quốc POC	6.700

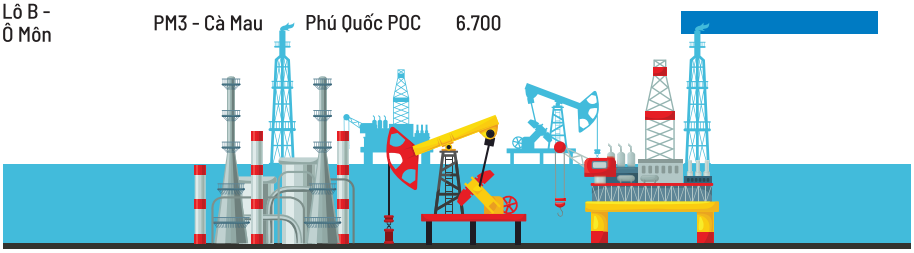

Nguồn: VNDirect Research

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

- *Cung khí:*

Trong tháng 2, nguồn cung khí đốt tự nhiên trên thế giới dồi dào vượt xa lượng mua giao ngay, đặc biệt khi mùa nhu cầu cao điểm vào mùa đông kết thúc.

Tại Mỹ, sản lượng khí đốt tự nhiên hàng ngày của Mỹ đã giảm xuống còn 104 tỉ foot khối (ft^3) trong tháng này từ mức kỷ lục hơn 106 tỉ ft^3 trong tháng 12. Tuy nhiên con số này vẫn ở mức cao và tăng hơn 3,3% so với tháng 2 năm ngoái.

Bên cạnh đó, Nga tiếp tục cung cấp một lượng lớn khí đốt tự nhiên vào thị trường Châu Âu, bất chấp việc châu Âu đã đưa ra nhiều biện pháp để giảm sự phụ thuộc vào khí đốt từ Nga.

- *Cầu khí:*

Trong tháng 2, nhu cầu về khí đốt tự nhiên ở châu Á ở mức thấp, các sản phẩm khí chỉ hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc tạo ra nguồn cung cấp nhiên liệu giá rẻ mà không chuyển giao cho khách hàng ngay lập tức.

Mặc dù các nhà nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Trung Quốc liên tục tìm kiếm các lô hàng giá rẻ từ thị trường giao ngay vì giá giao ngay giảm khiến nhiên liệu này có chi phí cạnh tranh hơn so với các lựa chọn khí đốt địa phương nhưng nhu cầu LNG giao ngay của Trung Quốc vẫn yếu, đặc biệt khi so sánh với đợt mua hàng rầm rộ vào tháng 1.

Đáng chú ý ngày 27/2, Ủy ban châu Âu khuyến nghị các nước tiếp tục giảm sử dụng khí đốt tự nhiên ở mức 15% so với mức tiêu thụ trung bình trong giai đoạn 2017-2022, cùng với đó nhiệt độ mùa đông cao hơn bình thường khiến cho nhu cầu sử dụng khí đốt của châu Âu giảm mạnh.

- *Diễn biến giá:*

Giá khí đốt tự nhiên ở cả hai khu vực châu Á và châu Âu đều giảm xuống mức thấp nhất gần 3 năm trong tuần qua, chủ yếu do giá khí đốt tự nhiên ở châu Âu giảm trở lại do thời tiết cuối mùa Đông ôn hòa tiếp tục, tồn kho ở châu Âu vẫn ở mức tốt và hoạt động mua hàng ở Đông Bắc Á trầm lắng do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

Một yếu tố quan trọng khác khiến giá khí đốt tự nhiên tại châu Âu giảm mạnh trong thời gian gần đây là do các nước EU đang tăng cường sử dụng những nguồn năng lượng tái tạo cũng như thúc đẩy điện hạt nhân.

DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/mmBTU

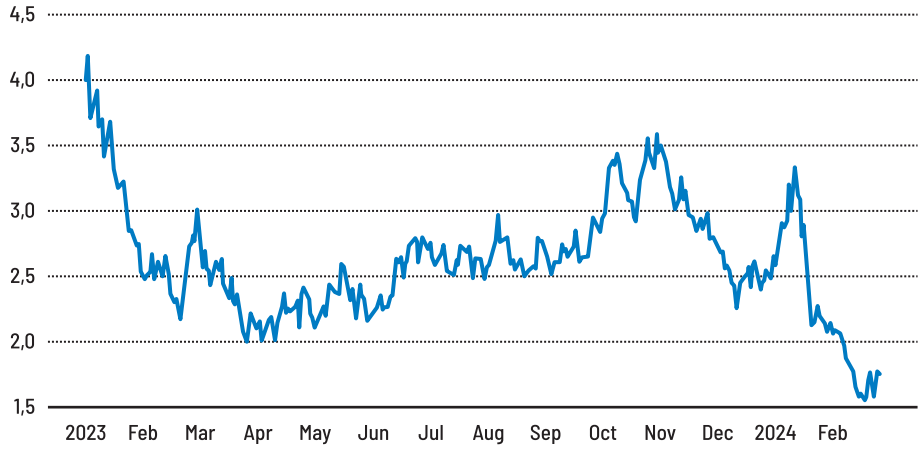

Nguồn: Investing

2.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường gas bán lẻ trong nước tiếp tục ổn định cho dù thị trường gas quốc tế đang có nhiều sự thay đổi liên tục.

Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến thị trường gas hiện nay là giá premium (gồm cước phí vận chuyển, bảo hiểm...) thế giới tăng, việc chi phí này tăng lên kéo theo các công ty điều chỉnh tăng giá.

Trong tháng 2, giá gas bán lẻ trong nước tăng 1,1% so với tháng trước theo đà tăng của giá gas thế giới, mỗi bình gas 12kg tăng thêm khoảng 5.000 đồng/kg. Đây là tháng thứ hai liên tiếp trong năm 2024, giá gas được điều chỉnh tăng.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

- *Cung khí:*

Theo báo cáo Triển vọng năng lượng ngắn hạn (STEO) tháng 2/2024, ***Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo sản lượng khí đốt tự nhiên đạt trung bình 104 Bcf/ngày cho cả năm 2024***, thấp hơn gần 1 Bcf/ngày so với dự báo của EIA trong STEO tháng trước. EIA kỳ vọng sản lượng sẽ tăng vào năm 2025 lên trung bình hơn 106 Bcf/ngày.

- *Cầu khí:*

Tổ chức nghiên cứu ***Rystad Energy dự báo thị trường khí đốt tự nhiên toàn cầu sẽ tăng lên 580-600 mtpa vào năm 2030***, từ mức 400 mtpa hiện tại, chủ yếu do nhu cầu của châu Á. Qatar dự kiến sẽ kiểm soát 24-25% thị trường đó vào thời điểm đó.

- *Diễn biến giá:*

Các nhà phân tích thị trường ***của Goldman Sachs đã hạ dự báo giá khí đốt tự nhiên TFT năm 2024 từ 41 euro/MWh xuống còn 31 euro/MWh***, cho thấy tình trạng dư cung khí đốt toàn cầu dự kiến trong giai đoạn này có thể nghiêm trọng đến mức buộc châu Âu phải đưa ra các biện pháp để giảm nguồn cung và ngăn chặn tình trạng tắc nghẽn kho dự trữ vào mùa hè tới.

2.2.2. Thị trường trong nước

Nhu cầu khí cho điện trong nước dự báo vẫn tiếp tục tăng chậm. Năm 2024, Bộ Công Thương xây dựng kế hoạch huy động khí cho điện ở mức 4,19 - 4,47 tỷ m^3, chỉ bằng 86% ước thực hiện năm 2023.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường ure thế giới tiếp tục tăng trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt và nhu cầu mạnh mẽ hơn từ các thị trường chính.

- *Cung phân bón:*

Tại Iran, công suất vận hành tổng thể sản xuất ure vẫn bị hạn chế do các vấn đề về nguồn cung cấp khí đốt. Ngoài ra, nguồn cung ure từ Malaysia vẫn bị hạn chế do các nhà máy lớn bắt đầu bảo dưỡng.

Trong khi đó, hai nhà cung cấp lớn của thế giới là Trung Quốc và Nga vẫn tiếp tục duy trì chính sách hạn chế xuất khẩu.

- *Cầu phân bón:*

Điều kiện thời tiết thuận lợi ở cả Bắc và Nam Mỹ đã thúc đẩy nhu cầu sử dụng phân ure tăng cao. Nhu cầu phân ure ở các thị trường Mỹ, Châu Âu, Australia và Đông Nam Á ghi nhận xu hướng gia tăng mạnh mẽ trong tháng 2.

Tại Trung Quốc nhu cầu tăng cao tại các tỉnh Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Bắc, Giang Tô do người dân mua dự trữ trong mùa đông.

- *Diễn biến giá:*

Giá ure kỳ hạn ổn định ở mức trên 400 USD/tấn, giao dịch ở mức cao nhất trong hơn 3 tháng, do thiếu nguyên liệu thô thiết yếu ở Bắc Mỹ, đặc biệt là amoniac, làm tăng chi phí cho các nhà sản xuất phân bón. Sự gián đoạn của đường ống dẫn khí amoniac tại sân băng Bethpage, do máy nén gặp trục trặc, đã gây ra tình trạng thiếu Amoniac trong khu vực.

Ngoài ra, các cuộc tấn công của phiến quân đang diễn ra ở Biển Đỏ đã làm tăng thêm những bất ổn thương mại vẫn tồn tại trên thị trường, đặt ra thách thức nhiều mặt cho thương mại toàn cầu và dẫn đến chi phí vận chuyển tăng lên.

DIỄN BIẾN GIÁ URE THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/tấn

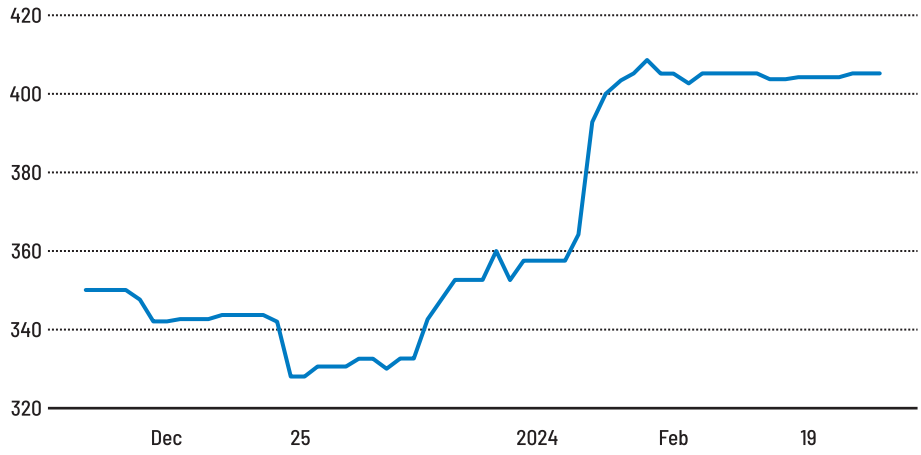

Nguồn: Tradingeconomics

3.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường trong tháng 2 đã mở cửa sâu rộng, giá ure tại thị trường trong nước đã tăng rõ rệt so với tháng 1, bám sát đà tăng của thế giới và giữ giá ổn định trong suốt tháng.

Tuy nhiên, hoạt động mua bán trên thị trường khá trầm lắng, nhu cầu tiêu thụ phâm bón chậm tại Đồng bằng Sông Cửu Long trong khi gia tăng tại miền Bắc.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN URE TRONG NƯỚC TỪ ĐẦU NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 28/2

Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg

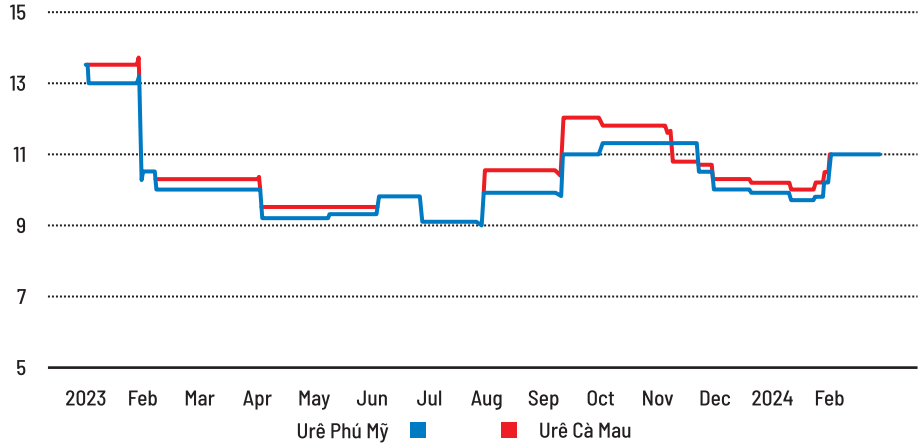

Nguồn:Wigroup

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Công ty nghiên cứu thị trường Fetercon dự báo giá ure trong quý I/2024 đang trong xu hướng tăng giá tại nhiều thị trường quan trọng do nguồn cung thắt chặt.

Trong khi đó, Argus dự báo sự trở lại thị trường xuất khẩu của Trung Quốc trong thời gian tới có thể sẽ khiến giá ure hạ nhiệt khi bước sang quý II/2024.

GIÁ URE KỲ HẠN CÓ XU HƯỚNG GIẢM DẦN TRONG QUÝ II/2024

Đơn vị tính: USD/tấn (FOB)

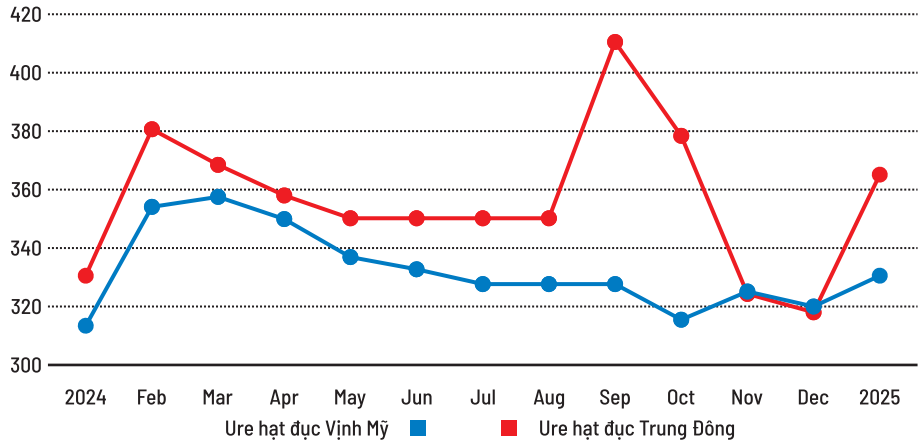

Nguồn: Agromornitor

3.2.2. Thị trường trong nước

Theo quy luật, hè thu là vụ sản xuất gặp nhiều bất lợi do thời tiết nắng nóng, bón phân dễ bốc hơi và nhiều loại sâu bệnh diễn biến phức tạp, nông dân phải tăng lượng bón phân do đó nhu cầu phân bón trong nước dự báo sẽ tăng mạnh trong quý I/2024. Bên cạnh đó, giá nhiều loại phân bón cũng được dự báo sẽ tăng tới 40.000-50.000 đồng/bao so với cùng kỳ.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 2, tình trạng thiếu điện nghiêm trọng đã diễn ra tại Cuba do khả năng sản xuất điện trong nước hạn chế và giảm nhập khẩu điện. Đồng thời, tại Dải Gaza, cũng đang gặp phải tình trạng tương tự do xung đột giữa Israel và Hamas.

Tại châu Âu, giá điện tiếp tục duy trì ở mức cao và đã tăng gấp 3 lần giá điện tại Mỹ.

Bên cạnh đó, ngày 13/2, Israel đã ra thông báo thị trường bán lẻ điện tiêu dùng của nước này sẽ được mở cửa hoàn toàn, cho phép các công ty tự do cạnh tranh và các hộ gia đình chủ động lựa chọn nhà phân phối. Quyết định sẽ có hiệu lực kể từ mùa hè này, dự kiến sẽ kéo giảm giá điện 5 - 20% và giúp các hộ gia đình tiết kiệm hàng trăm USD mỗi năm.

4.1.2. Thị trường trong nước

Giá điện sinh hoạt tháng 2 tăng 0,78% so với tháng trước do nhu cầu tăng cao trong dip lễ, tết.

Từ đầu năm 2024 đến nay, phụ tải quốc gia tăng trưởng khoảng 10,9% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, miền Bắc tăng 10,8%, miền Nam 12% và miền Trung 6,9%.

Trong tháng qua, Việt Nam đã nhận được đề xuất tăng nguồn cung ứng điện từ 7 dự án điện gió của Lào, tổng công suất gần 4.150 MW, trong đó cung cấp cho Việt Nam trước năm 2025 là hơn 682 MW, số còn lại sau thời gian này.

Trong khi lượng nước về hồ thủy điện thấp hơn cùng kỳ nhiều năm và các nguồn điện mới chưa được bổ sung kịp thời, sản lượng theo nước về các hồ thuỷ điện trung bình đạt khoảng 97,7 triệu kWh/ngày dẫn đến tình trạng thiếu nguồn điện ở miền Bắc.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Theo các chuyên gia dự báo đến năm 2023 các thiết bị và lưới truyền tải điện ngày càng được cải thiện, thu hút thêm nhiều người dùng mới và thúc đẩy quá trình điện khí hóa diễn ra mạnh mẽ hơn. Xu hướng sử dụng điện gió, điện mặt trời, đặc biệt là kết hợp hệ thống điện gió và điện mặt trời sẽ gia tăng mạnh ở nhiều quốc gia lớn.

4.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo, nhu cầu điện năng của Việt Nam dự kiến sẽ tăng từ 10-12% hàng năm cho đến năm 2030, khiến Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng nhanh nhất ở châu Á.

Ngoài ra, dự kiến Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 sẽ hoàn thành và phát điện thương mại vào tháng 11/2024 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 vào tháng 5/2025, cung cấp cho lưới điện khoảng 9 tỷ kWh/năm.

PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 2/2024 nhiều biến động đang tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như PVN cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho PVN, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- *Tập trung duy trì gia tăng sản lượng và trữ lượng khai thác, bảo đảm hệ số bù trữ lượng lớn hơn 1. Bên cạnh đó, tiếp tục tìm kiếm những dự án, cơ hội mới trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí (E&P), thông qua việc thúc đẩy đầu tư tại các lô, mỏ, dự án tiềm năng.*

- *Đẩy nhanh quá trình tổ chức thực hiện triển khai đề án tái cấu trúc đồng bộ với tối ưu mô hình và hiện đại hóa hệ thống quản trị, hệ thống kiểm soát rủi ro của Tập đoàn với mục tiêu trở thành tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia.*

- *Tiếp tục thúc đẩy việc hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách cho phát triển Tập đoàn, đặc biệt là những lĩnh vực mới.*

- *Tìm kiếm và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo tiến độ chuỗi dự án khí - điện Lô B theo Quy hoạch điện VIII, tập trung tháo gỡ các vướng mắc thuộc thẩm quyền, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền. Nỗ lực, tăng tốc đưa dự án NMĐ Nhơn Trạch 3-4 hoàn thành đúng kế hoạch.*

- *Chú trọng vào việc xây dựng chiến lược phát triển dài hạn trong bối cảnh thị trường năng lượng hiện nay đang có nhiều biến động, thay đổi nhanh chóng. Bên cạnh đó, cần tập trung phát triển thị trường và đề xuất những mô hình kinh doanh mới giúp Tập đoàn sẵn sàng thích ứng với sự biến động, đồng thời tạo ra cơ hội mới trong tương lai.*

- *Tăng cường nghiên cứu và áp dụng các xu hướng công nghệ mới trong toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất, vận chuyển, lưu trữ, từ khâu thượng nguồn đến trung nguồn và hạ nguồn. Đặc biệt là phát triển nghiên cứu về nguồn năng lượng hydrogen theo Chiến lược phát triển năng lượng hydrogen của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ nhằm chuẩn bị cho việc tham gia sản xuất và kinh doanh hydrogen khi thị trường có nhu cầu.*

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 2 NĂM 2024

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 2 năm 2024	2 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	**Tăng trưởng GDP**		**n/a**					
2	**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)**		**n/a**		**82**	**93,2**	**105,7**	
3	**Hoạt động của doanh nghiệp**							
3.1	Thành lập mới	DN	8.600	41.100	63,5	97,2	108,5	
3.2	Quay lại hoạt động	DN	5.300		38,8	136		
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN		63.000			122,5	
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	*5.146*		*11,7*	*135,5*		
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	*2.153*		*27,6*	*81,7*		
	- Hoàn tất giải thể	DN	*1.506*		*69,6*	*129*		
4	**Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội**	**Nghìn tỷ**						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	26,9	59,8		86,9	102,1	
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		4,29			138,6	
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD		2,8			109,8	
5	**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**	**Nghìn tỷ**	**509,7**	**1.031,5**	**97,9**	**108,5**	**108,1**	
6	**Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa**	**Tỷ USD**						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	24,82	59,34	71,9	95	119,2	
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	23,72	54,62	76,8	101,8	118	
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD		Xuất siêu 4,72				
7	**Chỉ số giá**							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				101,4	103,98	103,67	101,35
7.2	Chỉ số giá vàng				102,01	116,67	116,05	104,61
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,4	103,89	103,79	100,92
7.4	Lạm phát cơ bản				100,49	102,96	102,84	

A: Tháng 2/2024 so với tháng 1/2024

B: Tháng 2/2024 so với tháng 2/2023

C: Bình quân hai tháng đầu năm so với cùng kỳ

D: Tháng 2/2024 so với tháng 12/2023

Ảnh bìa: Thị trường chứng khoán toàn cầu trong tháng 3 đã có sự tăng trưởng vô cùng mạnh mẽ, thiết lập nhiều mức cao kỷ lục mới.

Freepik

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện